

Ngày soạn: 2/4/2026

Giáo viên : Huỳnh Thị Thu

Tổ : Sử- Địa- KTPL

Tiết :40, 41,42-Tuần 29,30

BÀI 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG (T1)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông và giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
- Xác định được vị trí các đảo và quần đảo Biển Đông trên bản đồ
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

2. Về năng lực

* Năng lực chung:

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

* Năng lực riêng:

- Rèn luyện các kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích, sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống bài tập nhân thực mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thông và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

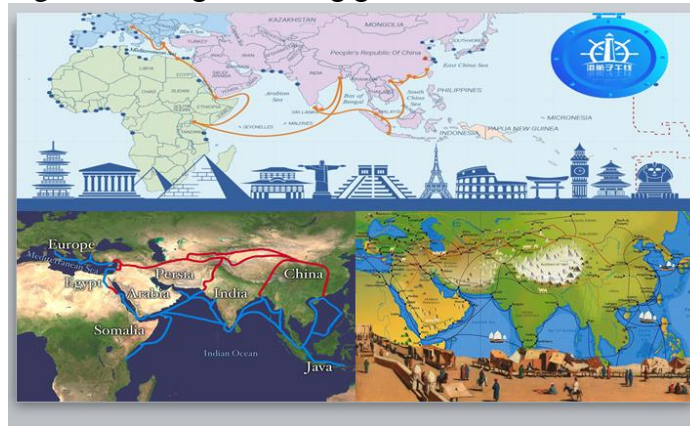
c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

? Đây là tên 1 con đường kết nối sự giao thương giữa châu Âu và châu Á?



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

Gv cung cấp thông tin

Con đường tơ lụa trên biển được đặt theo tên mặt hàng chính được vận chuyển trên biển cũng là mặt hàng khởi đầu cho mọi mặt hàng sau đó như gốm sứ, hương liệu, lúa gạo...

Con đường tơ lụa trên biển bắt đầu từ Roma. Sau khi vượt qua eo Malacca. Con đường chia làm hai ngã, một ngã men theo vùng biển Việt Nam qua các cảng: Côn Đảo – Cù Lao Chàm – Hội An – vào vùng biển Nam Trung Hoa rồi qua nam Nhật Bản, ngã thứ hai đi vào quần đảo Indonexia, Philippine rồi ngược vào vùng phía nam Trung Quốc để tới nam Nhật Bản

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Ngày 11-8-2011, ngọn đuốc trên giàn khoan DH-02 đã bùng cháy tại mỏ Đại Hùng. DH-02 là công trình dầu khí lớn đầu tiên do chính các kỹ sư, công nhân Việt Nam chế tạo và lắp đặt, chuyên khai thác ở vùng nước sâu xa bờ, có kích thước, trọng lượng lớn nhất Việt Nam tính đến thời điểm đó. Sự kiện này đánh dấu bước trưởng thành, là biểu hiện cho ý chí, nội lực và khả năng làm chủ công nghệ thăm dò, khai thác dầu khí ở vùng nước sâu của Việt Nam trên Biển Đông.

Vậy Biển Đông có vị trí và tầm quan trọng chiến lược như thế nào? Các đảo và quần đảo ở Biển Đông có vị trí, tầm quan trọng chiến lược ra sao? Bài học này sẽ giúp em hiểu rõ những nội dung ấy.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Vị trí của Biển Đông

a. Mục tiêu: Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

Quan sát lược đồ và dựa vào thông tin trong mục, hoàn thành các câu hỏi sau về vị trí của Biển Đông.

? Ngoài tên gọi Biển Đông thì vùng biển này còn có những tên gọi nào khác?

? Biển Đông thuộc đại dương nào? Hãy cho biết diện tích, kinh độ và vĩ độ

? Tại sao nói Biển Đông là vùng biển tương đối kín

? Nêu những quốc gia và vùng lãnh thổ tiếp giáp với Biển Đông

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin tư liệu

- Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt từ xa xưa cho vùng biển nằm ở phía đông đất nước.

(Dư địa chí của Nguyễn Trãi năm 1435).

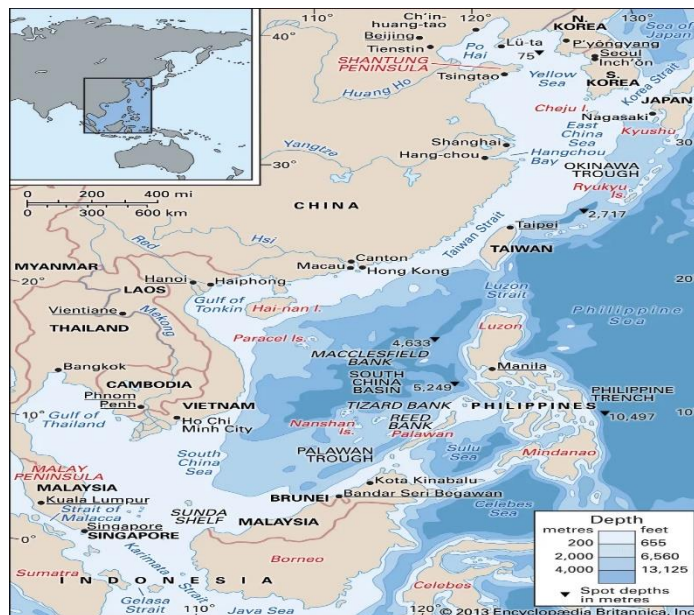
- Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km², là biển lớn thứ hai của Thái Bình Dương và lớn thứ ba thế giới.

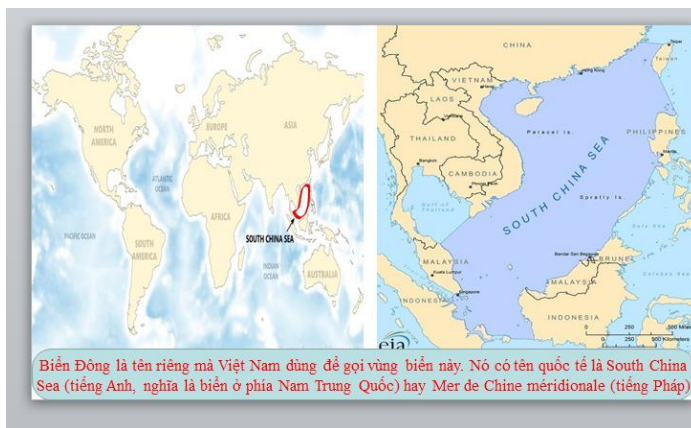
- Biển Đông nằm trong khoảng từ vĩ độ 3°N đến vĩ độ 26°B và từ kinh độ 100°Đ đến kinh độ 121°Đ.

- Biển Đông là biển tương đối kín vì được bao bọc bởi đất liền và hệ thống các đảo, quần đảo.

Các nước và vùng lãnh thổ tiếp giáp Biển Đông: Biển Đông được bao bọc bởi 9 nước là: Việt Nam, Trung Quốc, Phi líp pin, In-đô-nê-xia, Bru này, Ma-lai-xi-a, Xin ga po, Thái Lan, Cam-pu-chia và một vùng lãnh thổ là Đài Loan.

- Đây là biển tương đối kín vì các đường thông ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đều có đảo, quần đảo bao bọc.



**B3: Báo cáo kết quả hoạt động.**

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Vị trí của Biển Đông

- Biển Đông nằm ở rìa tây Thái Bình Dương, trải rộng từ khoảng 3°N đến 26°B và khoảng 100°Đ đến 121°Đ.
- Biển Đông có diện tích hơn 3,447 triệu km, tiếp giáp với 9 quốc gia.
- Đây là biển tương đối kín vì các đường thông ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đều có đảo, quần đảo bao bọc.

2. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

a. Mục tiêu: - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông và giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV chia HS làm 3 nhóm thảo luận nhóm và hoàn thành bảng sau

Vai trò của Biển Đông	Nội dung
Tuyến đường giao thông biển huyết mạch	+ Nhóm 1: Giải thích vai trò quan trọng chiến lược của Biển Đông trong giao thông Hàng hải
Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương	+ Nhóm 2: Giải thích vì sao Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở châu Á - Thái Bình Dương.
Nguồn tài nguyên thiên nhiên	+ Nhóm 3: Phân tích vai trò của nguồn tài nguyên thiên nhiên biển đối với sự phát triển Kinh tế – xã hội của các nước trong khu vực.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

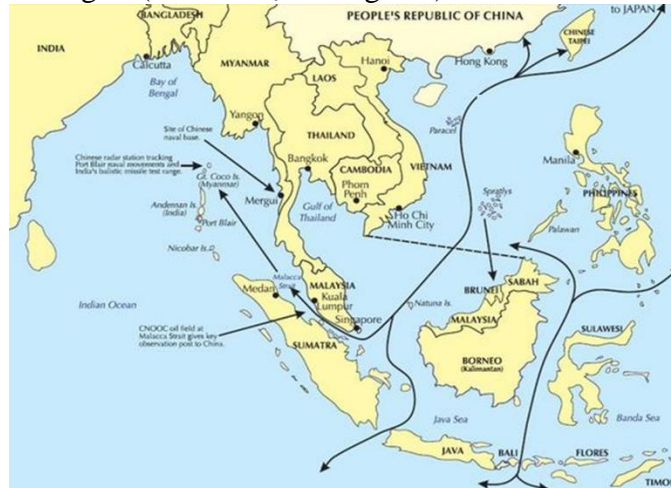
GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin tư liệu

-Nhóm 1

Biển Đông là "cầu nối" giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Các tuyến hàng hải quốc tế "huyết mạch" khu vực Đông Nam Á có hơn 530 cảng biển. Tuyến đường vận tải quốc tế qua Biển Đông được coi là nhộn nhịp thứ 2 trên thế giới (chỉ sau Địa Trung Hải).



Eo biển Ma-lắc-ca nằm giữa đảo Xu-ma-tơ-ra (In-đô-nê-xi-a) và bán đảo Mã Lai, dài hơn 800 km, nơi rộng nhất là 38 km, là hành lang hàng hải chính giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, nối liền các cảng biển của Đông Bắc Á, bờ Tây châu Mỹ với Nam Á, châu Phi, Trung Đông, Nam Âu.



Biển Đông là tuyến đường giao thông huyết mạch tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương và Ấn Độ dương, Châu Âu- châu Á. Trung Đông - Đông Á (dẫn chứng 5 trong số 10 tuyến đường vận tải trọng yếu của thế giới đều liên quan đến Biển Đông, giao thông đường biển nhộn nhịp vào hàng thứ hai thế giới, nhiều mặt hàng quan trọng được vận chuyển qua Biển Đông như khí đốt, dầu mỏ) khu vực này có nhiều eo biển đặc biệt quan trọng đối với thương mại toàn cầu (dẫn chứng eo Đài Loan, Ba-si, Ga-xpa. Ca-li--man-tan và đặc biệt là Ma lắc ca "hành lang" hàng hải chính, kết nối nhiều nước, trong đó có 2 nước đông dân của thế giới là Ấn Độ, In-đô-nê-xia và Trung Quốc. Mỗi ngày có khoảng từ 150 - 200 tàu các loại qua lại Biển Đông trong đó có khoảng 560% tàu có trọng tải trên 5000 tấn, hơn 10% là tàu có trọng tải từ 30.000 tấn trở lên. Lượng dầu lửa và khí hóa lỏng được vận chuyển qua vùng biển này lớn gấp 15 lần lượng chuyên chở qua kênh đào Pa-na-ma.

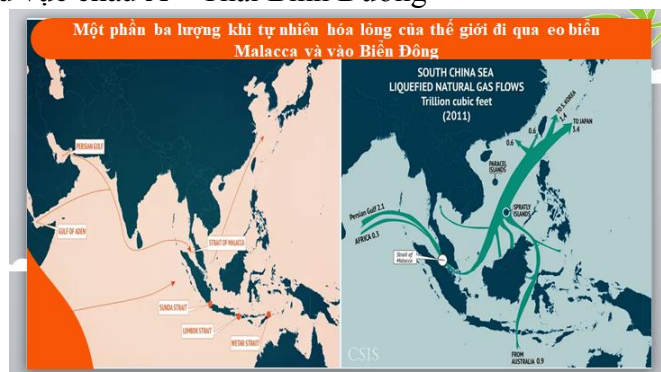
-Nhóm 2

GV đưa ra một nhận định có HS thấy được vai trò của Biển Đông - "Quốc gia nào làm chủ được nhiều diện tích Biển Đông sẽ có lợi thế về chính trị, kinh tế, an ninh – quốc phòng"

(dẫn chứng là tuyến đường trên biển ngắn nhất để di chuyển giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương; các đảo và quần đảo trên Biển Đông cũng tạo thành tuyến phòng thủ tự nhiên đối với nhiều nước ven

biển; các cảng biển lớn trong Biển Đông là điểm trung chuyển của tàu thuyền, trao đổi và bốc dỡ hàng hoá quan trọng nhất trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương như cảng Xin ga-po, Ku-an-ta (Ma-la-xi-a), Ma-ni-la (Phi-líp-pin), Đà Nẵng (Việt Nam), Hồng Kông (Trung Quốc). Đây là mạch đường thiết yếu vận chuyển dầu và các nguồn tài nguyên thương mại từ Trung cận Đông và Đông Nam Á tới Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Hơn 90% lượng vận tải thương mại của thế giới thực hiện bằng đường biển và 45% trong số đó phải đi qua vùng Biển Đông. Nhiều nước và vùng lãnh thổ ở khu vực Đông Á có nền kinh tế phụ thuộc sống còn vào con đường biển này như. Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Xin ga po va Trung Quốc. Hàng năm có khoảng 70% khối lượng dầu mỏ nhập khẩu và khoảng 45% khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Nhật Bản được vận chuyển qua Biển Đông, Trung Quốc có 29/39 tuyến đường hàng hải và khoảng 60% hàng xuất nhập khẩu, 70% lượng dầu mỏ nhập khẩu được vận chuyển bằng đường biển qua Biển Đông.

- + Là tuyến đường trên biển ngắn nhất để di chuyển giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương; các đảo và quần đảo trên Biển Đông cũng tạo thành tuyến phòng thủ tự nhiên đối với nhiều nước ven biển
- + các cảng biển lớn trong Biển Đông là điểm trung chuyển của tàu thuyền, trao đổi và bốc dỡ hàng hoá quan trọng nhất trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương



-Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng

- Bản đồ nhấn mạnh tầm quan trọng chiến lược của khu vực Biển Đông với tư cách là nguồn cung cấp nguyên liệu thô, bao gồm “gần như toàn bộ hương liệu của thế giới; chín phần mười cao su của thế giới; một nửa lượng thiếc và vonfram của thế giới; và thặng dư dầu, gạo, bông, trà, gia vị, cây gai dầu và gỗ cứng nhiệt đới.



-Nhóm 3

Biển Đông là nơi cư trú của trên 12 000 loài sinh vật, trong đó có khoảng 2 040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú... Trong khu vực này tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn.

Biển Đông là một trong 5 bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới. Hầu hết các nước trong khu vực đều là những nước khai thác và sản xuất dầu khí từ Biển Đông.

- Giàn khoan Đại Hùng 01 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trên Biển Đông: Giàn khoan Đại Hùng 01 có chiều dài 108,2 m, chiều rộng 67,36 m, chiều dài boong chính 68,6 m, là trung tâm của mỏ Đại Hùng. Mỏ Đại Hùng thuộc phần trung tâm của bể Nam Côn Sơn, cách thành phố Vũng Tàu (Bà Rịa – Vũng Tàu) 265 km.



GV có thể mở rộng giới hiệu thêm. Vị trí địa lí và khí hậu đặc biệt tạo cho vùng Biển Đông sự đa dạng sinh học điển hình trên thế giới và cấu trúc thành phần loài động thực vật, hệ sinh thái và nguồn gen. Trong lòng Biển Đông tồn tại các sinh vật cổ đại, sinh vật vật nhiệt đới điển hình, sinh vật đặc trưng của từng địa phương, sinh vật du nhập từ các nơi, sinh vật trú đông Tiềm năng của vùng biển này là nguồn sống phong phú của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Nguồn tài nguyên sinh vật biển quan trọng đã mang đến những ưu thế cho đời sống và sự phát triển kinh tế của các nước xung quanh. Trữ lượng hải sản đánh bắt khoảng 3 – 5,5 triệu tấn, cơ cấu hải sản và phong phú, có giá trị kinh tế cao có thể khai thác được hàng năm.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

Vai trò của Biển Đông	Nội dung
Tuyến đường giao thông biển huyết mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Biển Đông nằm trên tuyến giao thông đường biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương – Ấn Độ Dương, châu Á – châu Âu, châu Á – Trung Đông. - Biển Đông giữ vị trí là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai thế giới tính theo tổng lượng hàng hoá thương mại vận chuyển hằng năm. - Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng như: eo Đài Loan, Ba-si Gaxpa, Ca-li-man-tan và đặc biệt là Ma-lắc-ca.
Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Về chính trị-an ninh: Biển Đông có vị trí địa – chính trị quan trọng đối với các quốc gia khu vực châu Á – Thái Bình Dương. - Tình trạng tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông cũng xuất hiện từ sớm và khá phức tạp. - An ninh trên Biển Đông sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích an ninh, chính trị và sự thịnh vượng về mặt kinh tế của khu vực, trong đó có Việt Nam.
Nguồn tài nguyên thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Biển Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là các tài nguyên sinh vật và khoáng sản. - Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông phong phú và đa dạng với hàng trăm loài bao gồm cả động vật, thực vật. Trong đó, cá và các loài động vật thân mềm như mực, hải sâm,... có trữ lượng lớn.

	- Biển Đông có nhiều loại tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ và khí tự nhiên. Ngoài ra còn có năng lượng thủy triều, năng lượng gió; cát và hoá chất trong cát; muối và các loại khoáng chất;...
--	---

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

- Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế. Khu vực này tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương – Ấn Độ Dương, châu Âu – châu Á, Trung Đông – Đông Á.
- Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương về quốc phòng – an ninh, giao thông vận tải và các hoạt động kinh tế khác
- Biển Đông là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với trữ lượng lớn.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đưa ra 1 số câu hỏi, HS trả lời theo nhóm, nhóm đơ đáp án nhanh nhất sẽ có điểm cộng

1. Biển Đông là biển thuộc:
2. Biển Đông có diện tích khoảng:
3. Biển Đông là một trong những bồn trũng lớn nhất thế giới chứa:
4. Đây là một eo biển quan trọng ở khu vực Biển Đông?
5. Sinh vật ở Biển Đông có khoảng bao nhiêu loài sinh vật cư trú?
6. Vị trí địa lý của Biển Đông kéo dài từ kinh độ, vĩ độ nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

1. Thái Bình Dương
2. 3.5 triệu km²
3. Dầu khí
4. Eo Malacca
5. Trên 12000 loài
6. Trải rộng từ khoảng 3°N đến 26°B và khoảng 100°Đ đến 121°Đ.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Suu tầm tư liệu từ sách, báo, internet, nếu đề xuất của em về các biện pháp để khai thác hiệu quả, bền vững vị trí và tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Ngày soạn: 10/04/2025

Ngày dạy:

BÀI 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG (T2)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông và giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
- Xác định được vị trí các đảo và quần đảo Biển Đông trên bản đồ
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

2. Về năng lực

** Năng lực chung:*

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

** Năng lực riêng:*

- Rèn luyện các kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích, sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống bài tập nhân thực mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thông và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chiếu video về 2 quần đảo Trường Sa Hoàng Sa của Việt Nam và yêu cầu HS trả lời câu hỏi ? Em biết gì về 2 quần đảo này?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Tầm quan trọng của các đảo và quần đảo trên Biển Đông

a. Mục tiêu: - Xác định được vị trí các đảo và quần đảo Biển Đông trên bản đồ

- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông

GV cho HS xem 1 đoạn video về các đảo quần đảo và yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi

? Quần đảo Hoàng Sa nằm ở vị trí nào? (kinh tuyến, vĩ tuyến)

? Quần đảo Hoàng Sa ngày nay thuộc tỉnh nào?

? Kể tên một số các hòn đảo lớn trên quần đảo Hoàng Sa

Nhiệm vụ 2: Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

Hoàn thành phiếu học tập sau về tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

Lĩnh vực	Thuận lợi	Khó khăn
----------	-----------	----------

Quốc phòng, an ninh		
Kinh tế		
Xã hội		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin tư liệu

+ Về quốc phòng, an ninh. Các đảo án ngữ những tuyến đường giao thông huyết mạch trong thương mại quốc tế nên có điều kiện thuận lợi để xây dựng thành các căn cứ hậu cần do quân đội, xây dựng các trạm ra đa, trạm quan sát, vọng gác nhằm kiểm soát vùng biển và vùng trời của các quốc gia ven biển. Tuy nhiên, do địa thế rải rác và địa hình chủ yếu là các đảo san hô, đảo đá thường xuyên bị chìm khi thủy triều lên nên gây khó khăn trong quản lí và xây dựng các căn cứ quân sự.

+ Về kinh tế: Vùng biển xung quanh các quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa tạo thành ngư trường khổng lồ do đánh bắt hải sản xa bờ. Tại các đảo có thể phát triển ngành đóng tàu, ngư nghiệp và nuôi trồng thủy sản, du lịch thể thao, nghỉ dưỡng.... Khó khăn do cách xa bờ, khí hậu khắc nghiệt (thiếu nước ngọt, bão tố quanh năm, dân cư còn khá thưa thớt nên khó khăn cho xây dựng các cơ sở kinh tế.

+ Về xã hội. Trên các đảo có thể xây dựng các trung tâm bảo tồn sinh vật biển, nghiên cứu đa dạng sinh học khu vực Biển Đông. Tuy nhiên việc đưa dân ra cư trú tập trung tại các đảo gặp nhiều khó khăn do xa bờ, khí hậu khắc nghiệt, nước ngọt thiếu thốn...

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

Lĩnh vực	Thuận lợi	Khó khăn
Quốc phòng, an ninh	Sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, quần đảo trên Biển Đông đã hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng, từ xa đến gần, tạo thành hệ thống an ninh vững chắc để bảo vệ đất liền.	do địa thế rải rác và địa hình chủ yếu là các đảo san hô, đảo đá thường xuyên bị chìm khi thủy triều lên nên gây khó khăn trong quản lí và xây dựng các căn cứ quân sự.
Kinh tế	Các đảo và quần đảo Việt Nam tạo cơ sở để phát triển các lĩnh vực như vận tải biển; khai thác dầu khí; đóng tàu; nuôi trồng và khai thác, chế biến thủy, hải sản; du lịch,....	Do cách xa bờ, khí hậu khắc nghiệt (thiếu nước ngọt, bão tố quanh năm), dân cư còn khá thưa thớt nên khó khăn cho xây dựng các cơ sở kinh tế.
Xã hội	Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho các tàu di chuyển trên biển, phục vụ tuyến hàng hải huyết mạch trên Biển.	Việc đưa dân ra cư trú tập trung tại các đảo gặp nhiều khó khăn do xa bờ, khí hậu khắc nghiệt, nước ngọt thiếu thốn,...

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Tầm quan trọng của các đảo và quần đảo trên Biển Đông**a. Vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông**

-Hệ thống các đảo và quần đảo Việt Nam thường được chia thành:

+ Hệ thống đảo tiền tiêu (Thổ Chu, Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn,...),

+ Các đảo lớn (Cô Tô, Cát Bà, Cù Lao Chàm,...), các đảo ven bờ (các đảo thuộc huyện đảo Cát Bà, huyện đảo Bạch Long Vĩ,...)

+ Hai quần đảo xa bờ (Hoàng Sa và Trường Sa).

b. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

Hệ thống đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đưa ra 1 số câu hỏi, HS trả lời theo nhóm, nhóm đơ đáp án nhanh nhất sẽ có điểm cộng

1. Hiện nay huyện đảo Trường Sa thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào?

2. Quần đảo Hoàng Sa trực thuộc địa phương nào?

3. Bãi Cát Vàng” là tên gọi ngày xưa của địa danh nào ở thành phố Đà Nẵng?

4. Quần đảo nào của nước ta xa bờ nhất?

5. Đảo lớn nhất trong Quần đảo Trường Sa là?

6. Quốc gia đầu tiên xác lập chủ quyền và là nước duy nhất quản lý liên tục, hòa bình, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

1. Tỉnh Khánh Hòa

2. Đà Nẵng

3. Quần đảo Hoàng Sa

4. Trường Sa

5. Đảo Trường Sa lớn

6. Việt Nam

B4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Sưu tầm hình ảnh, tư liệu về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Giới thiệu những hình ảnh, tư liệu đó với thầy cô và bạn học.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.